

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẾ SƠN
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **169/2022/HNGĐ-ST**

Ngày 26/9/2022

V/v “Tranh chấp về ly hôn và nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ SƠN, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Trương Thị Sen.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Hương;

2. Bà Mai Thị Thúy Hằng.

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Hồ Thu Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Kiều Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 100/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2022 về “*Tranh chấp về ly hôn và nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 76/2022/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị Cẩm V, sinh năm 1992;

- Bị đơn: anh Nguyễn Thế T, sinh năm 1993;

Cùng địa chỉ: thôn N, xã P, huyện S, tỉnh N.

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/6/2022, bản tự khai và tại đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn - chị Nguyễn Thị Cẩm V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Nguyễn Thế T tự nguyện kết hôn vào năm 2018, được Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Q cấp giấy chứng nhận kết hôn số 15 ngày 09/8/2018. Sau khi kết hôn, anh T nhiều lần ngoại tình, ăn chơi, không quan tâm đến vợ con. Đến nay, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống không hạnh phúc nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: có 01 cháu tên Nguyễn Minh K, sinh ngày 21/01/2020. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu K và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: vợ chồng tự thỏa thuận.

Nợ chung: không có.

Quá trình giải quyết vụ án, anh T đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng đều vắng mặt và không có ý kiến về việc giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, anh T tiếp tục vắng mặt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không tham gia phiên tòa là không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: anh Nguyễn Thế T, địa chỉ: thôn N, xã P, huyện S, tỉnh N. Nay, chị V khởi kiện xin ly hôn với anh T và yêu cầu được nuôi dưỡng con chung nên quan hệ pháp luật được xác định là “*Tranh chấp về ly hôn và nuôi con*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam theo khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 và

khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: chị V và anh T tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Q cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 15 ngày 09/8/2018 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn: chị V khai nguyên nhân do anh T nhiều lần ngoại tình, ăn chơi, không quan tâm đến vợ con khiến cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh T vắng mặt, không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, anh T tiếp tục vắng mặt không có lý do. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị V là phù hợp theo quy định tại các Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: anh T, chị V có 01 con chung là Nguyễn Minh K, sinh ngày 21/01/2020. Chị V có nguyện vọng được nuôi cháu K và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Việc yêu cầu được nuôi con của chị V là tự nguyện và chính đáng. Hiện nay, cháu K còn nhỏ, chưa đủ 36 tháng tuổi nên cần sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ; vì vậy, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của cháu, Hội đồng xét xử cần giao cháu K cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Chị V không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét. Anh T được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở phù hợp với Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. Về tài sản chung: tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Nợ chung: không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: chị V phải chịu theo quy định của pháp luật.

[7]. Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Cẩm V về việc “*Tranh chấp về ly hôn và nuôi con*”.

1. Về quan hệ hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Cẩm V và anh Nguyễn Thế T.

2. Về con chung: giao cháu Nguyễn Minh K, sinh ngày 21/01/2020 cho chị V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Các bên đương sự có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng chị V phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị V đã nộp là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004723 ngày 22/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo yêu cầu xét xử theo trình tự phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Quế Sơn;
- Chi cục THADS huyện Quế Sơn;
- UBND xã T, huyện L (Giấy chứng nhận kết hôn số 15 ngày 09/8/2018);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Sen